

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỆU VVMI

*(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4600409377 (số cũ 1703000299) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh
Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 31/05/2007, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 21/03/2014)*

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỆU VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
Điện thoại: 02803.901.329; 02803.901.908 Fax: 02803.843.185
Website: www.ximangquantrieu.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông Nguyễn Mạnh Danh – Giám đốc Công ty
Số điện thoại: (0280) 3843185

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4600409377 (số cũ 1703000299) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh
Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 31/05/2007, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 21/03/2014)

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HÀ NỘI

Tên cổ phiếu:	Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng khối lượng đăng ký:	25.000.000 cổ phiếu
Tổng giá trị đăng ký:	250.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN PKF VIỆT NAM



Accountants &
business advisers

Địa chỉ: Tầng 20, Center Building, Dự án Hapulico Complex. Số 01 Nguyễn
Huy Tưởng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: 04 6664 4488

Fax: 04 6664 2233

Website: <http://pkf.afcvietnam.vn>

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CỦA BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	5
II. CÁC KHÁI NIỆM.....	5
III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	6
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	6
1.1 Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch	6
1.2 Thông tin về chứng khoán đăng ký giao dịch:.....	7
1.3 Lịch sử hình thành và phát triển.....	7
1.4 Quá trình tăng vốn điều lệ.....	8
2. Cơ cấu tổ chức công ty	9
3. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty	10
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.	12
4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần tại thời điểm 30/4/2016.....	12
4.2 Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 30/4/2016.....	12
4.3 Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ	13
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của VQTC, những công ty mà VQTC đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với VQTC.....	13
5.1 Công ty mẹ của VQTC.....	13
5.2 Công ty mà VQTC nắm giữ quyền kiểm soát/cổ phần chi phối:.....	13
6. Hoạt động kinh doanh.....	13
6.1 Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty	13
6.2 Doanh thu, lợi nhuận qua các năm.....	14
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	15
7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2014, 2015.....	15
7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty	15
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	16
8.1 Vị thế của công ty trong ngành	16
8.2 Triển vọng phát triển của ngành	16
8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.	17
9. Chính sách đối với người lao động.....	17
9.1 Tình hình lao động	17



9.2	Chính sách đối với người lao động	18
9.3	Mức lương bình quân	19
10.	Chính sách cổ tức	19
11.	Tình hình hoạt động tài chính	19
11.1	Các chỉ tiêu cơ bản	20
11.2	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	22
12.	Tài sản	22
13.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2016	23
13.1	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2016	23
13.2	Căn cứ xây dựng kế hoạch lợi nhuận, cổ tức:	24
14.	Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh	28
15.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty	28
16.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá của cổ phiếu	28
IV.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	28
1.	Hội đồng quản trị	28
2.	Ban kiểm soát	35
3.	Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý	39
4.	Kế hoạch tăng cường quản trị công ty	43
V.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	44
VI.	PHỤ LỤC	44



I. NHỮNG NGƯỜI CHIU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CỦA BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Tổ chức đăng ký giao dịch

Ông Ngô Ngọc Sơn	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông Tạ Văn Long	Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Mạnh Danh	Chức vụ: Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Thắng	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý

II. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty/VVMI	:	Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI
CTCP	:	Công ty cổ phần
Cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI
VĐL	:	Vốn điều lệ
UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
BTGD	:	Ban Điều hành
BKS	:	Ban Kiểm soát
CBCNV	:	Cán bộ nhân viên
Giấy CNĐKKD	:	Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh
BCTC	:	Báo cáo tài chính
BCTC KT	:	Báo cáo tài chính kiểm toán
VND	:	Đồng Việt Nam



III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch

- Tên Công ty: **Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI**
- Tên tiếng Anh: **VVMI QUAN TRIEU CEMENT JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **VQTC**
- Vốn điều lệ: **250.000.000.000 đồng**
- Vốn điều lệ thực góp: **250.000.000.000 đồng**
- Trụ sở chính: **Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên**
- Điện thoại: **02803.901.329; 02803.901.908**
- Fax: **02803.843.185**
- Website: **<http://ximangquantrieu.com>**

- Logo của Công ty:



- Giấy chứng nhận ĐKKD: Số 4600409377 (số cũ 1703000299) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 31/05/2007, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 21/03/2014
- Ngày trở thành công ty đại chúng: 15/08/2014
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh Danh – Giám đốc Công ty
- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:
 - Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
 - Phá dỡ;
 - Lắp đặt hệ thống điện;
 - Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi và vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng);
 - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
 - Xây dựng công trình công ích;
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
 - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng và máy khác chưa phân vào đâu);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Xây dựng nhà các loại;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Xây dựng công trình đường bộ);
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ.

1.2 Thông tin về chứng khoán đăng ký giao dịch:

- Tên chứng khoán: **Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI**
- Loại chứng khoán **Cổ phiếu phổ thông**
- Mã chứng khoán: **CQT**
- Mệnh giá: **10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng/cổ phần)**
- Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: **25.000.000 cổ phiếu**
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng: **Không có**
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 30/4/2016, Công ty không có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu cổ phần Công ty.

1.3 Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI (VQTC) là một doanh nghiệp hạch toán độc lập



trực thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV– CTCP, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 1703000299 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 31/05/2007, Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 5 ngày 21/03/2014 với Mã số doanh nghiệp 4600409377) với các cổ đông sáng lập là các Công ty có tiềm lực tài chính và giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh, cụ thể gồm: Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin; Công ty TNHH một thành viên Than Khánh Hòa VVMI; Công ty Cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị Than nội địa; Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực – VVMI; Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI.

Ngày 31/05/2007, Công ty chính thức hoạt động với mức vốn điều lệ ban đầu là 120 tỷ đồng;

Ngày 03/08/2016 công ty được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 75/2016/GCNCP-VSD với số lượng đăng ký là 25.000.000 cổ phiếu.

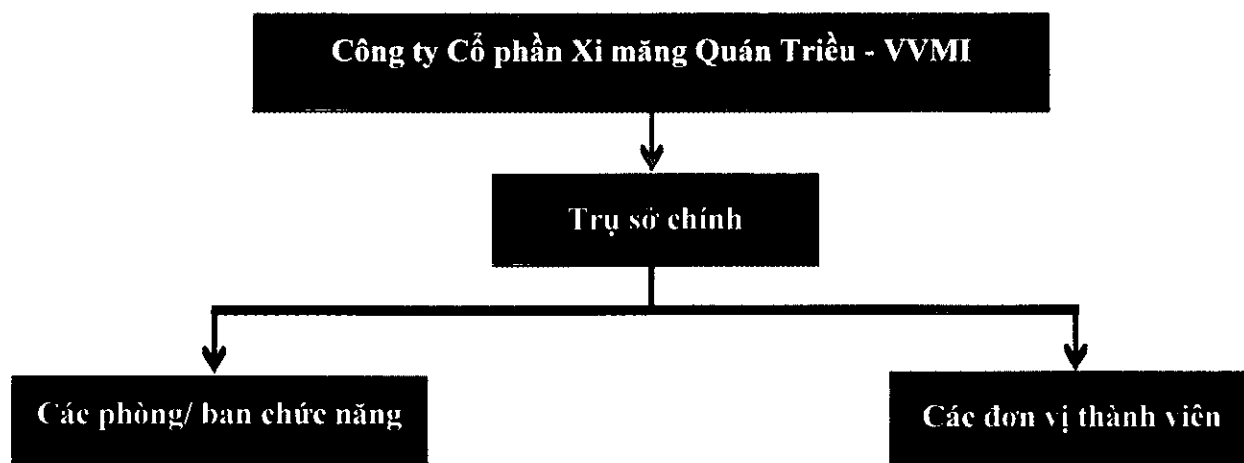
1.4 Quá trình tăng vốn điều lệ

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thực hiện 03 lần tăng vốn để mở rộng qui mô. Tính đến thời điểm hiện tại, vốn điều lệ của Công ty là 250 tỷ đồng.

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
1	02/06/2010	40.000.000.000	160.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2008 ngày 22/02/2008 thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ lên 160 tỷ đồng. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600409377 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 22/12/2010
2	24/11/2011	40.000.000.000	200.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2008 ngày 26/05/2008 thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ lên 160 tỷ đồng. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

					số 4600409377 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 22/12/2010
3	08/05/2012	50.000.000.000	250.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 ngày 16/04/2011 thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 200 tỷ lên 250 tỷ đồng. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600409377 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp thay đổi lần 05 ngày 21/03/2014

2. Cơ cấu tổ chức công ty



Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty.

Trụ sở chính Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI:

Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 02803.901.329; 02803.901.908

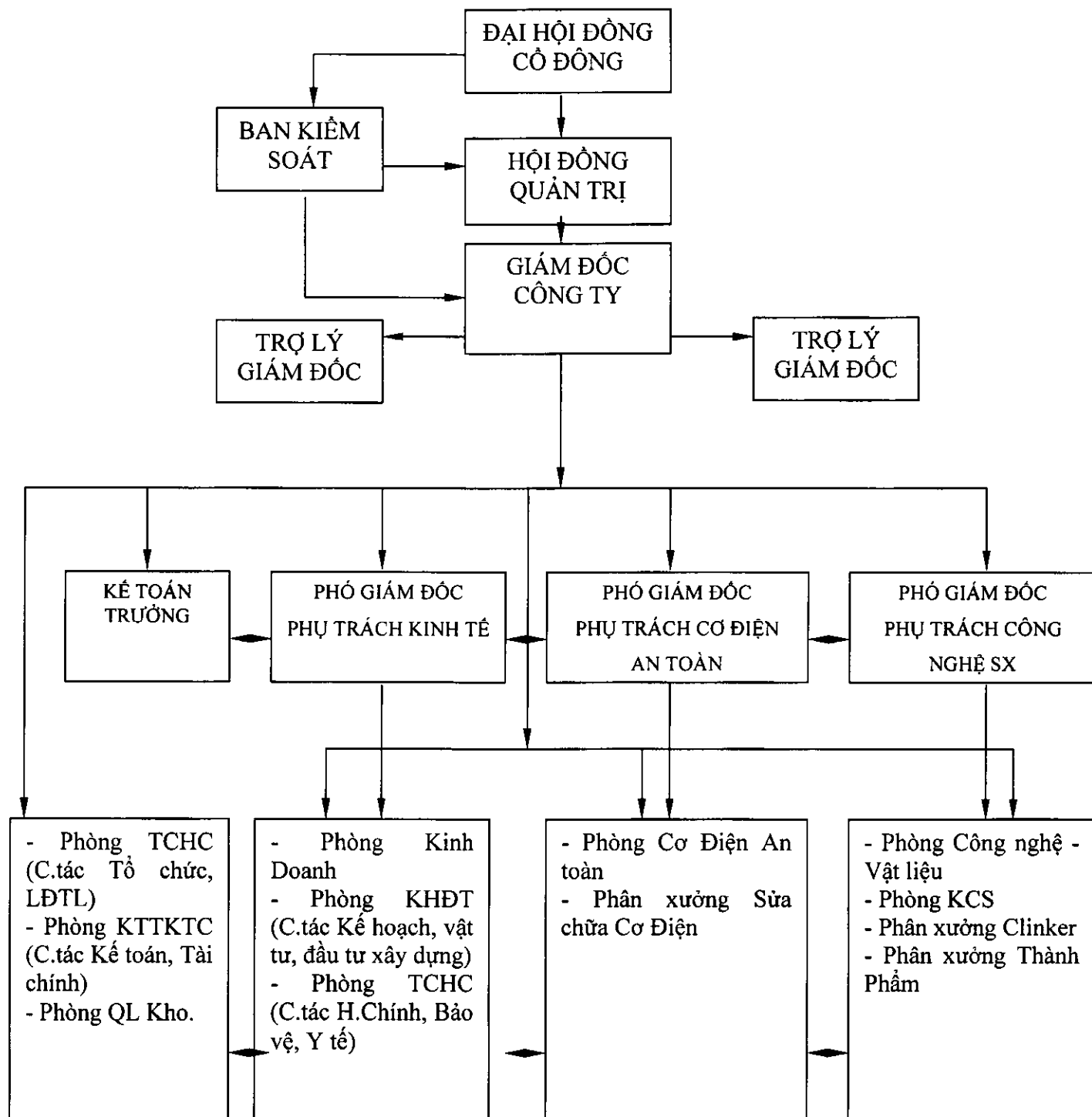
Fax: 02803.843.185

Trụ sở chính của Công ty là nơi đặt văn phòng làm việc của Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty, các khối nghiệp vụ của Công ty gồm 12 phòng ban.

Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI hiện nay không có các đơn vị hoạch toán phụ thuộc cũng như các đơn vị thành viên.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty

Sơ đồ tổ chức Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI



Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng. Nhìn chung bộ máy quản lý và điều hành Công ty đã thực hiện tương đối tốt nhiệm vụ điều hành quản lý hoạt động SXKD đã có sự phân công trách nhiệm rõ ràng của từng bộ phận trong dây chuyền sản xuất.

❖ **Bộ máy lãnh đạo:**

• **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ họp thường niên hoặc bất thường, tổ chức ít nhất mỗi năm một lần, quyết định chiến lược phát triển của Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, thông qua nghị quyết các vấn đề như bổ sung và sửa đổi Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần phát hành, mức cổ tức chi trả cho cổ đông hàng năm, thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát,... Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

• **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

• **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có nhiệm vụ thay mặt Đại hội đồng Cổ đông giám sát, đánh giá công tác điều hành, quản lý của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc theo đúng qui định trong Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông; Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc cung cấp mọi Hồ sơ và thông tin cần thiết liên quan đến công tác điều hành quản lý Công ty.

• **Ban Giám đốc**

Giám đốc là đại diện pháp luật của Công ty. Chịu trách nhiệm về tổ chức sản xuất điều hành kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như việc thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, cơ quan chủ quản theo quy định, thực hiện nghĩa vụ với người lao động theo hợp đồng đã ký.

Các Phó Giám đốc Công ty là người giúp việc trực tiếp cho Giám đốc Công ty trong từng lĩnh vực đã phân công.

• **Kế toán trưởng**



Kế toán trưởng có nhiệm vụ phụ trách chung mọi hoạt động của phòng Kế toán – Thống kê, tham mưu cho Giám đốc về tình hình tài chính, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về toàn bộ công tác và chế độ tài chính của Công ty.

❖ **Các phòng ban chức năng:**

Công ty bao gồm 12 phòng ban, cụ thể: Phòng TCHC (bao gồm: Công tác Tổ chức, LĐTĐ, Văn phòng, Y tế, Bảo vệ), Phòng KTTKTC (bao gồm: Công tác Kế toán, Tài chính, Bán hàng), Phòng KHĐT (bao gồm: Công tác Kế hoạch, Vật tư, Đầu tư xây dựng), Phòng Quản lý Kho, Phòng Kinh Doanh, Phòng Cơ Điện An toàn (bao gồm: Công tác Kỹ thuật cơ điện, An toàn BHLĐ), Phòng Công nghệ Vật liệu, Phòng KCS (kiểm tra chất lượng), Phân xưởng Sửa chữa Cơ Điện, Phân xưởng Clinker, Phân xưởng Thành Phẩm.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần tại thời điểm 30/4/2016

Tên cổ đông	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	Số 0100100015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội cấp ngày 23/01/2016	Số 01, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	21.228.014	84,91%
Tổng				

(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty chốt tại ngày 30/4/2016)

4.2 Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 30/4/2016

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	625	25.000.000	100
* Cá nhân	623	3.706.986	14,83
* Tổ chức	2	21.293.014	85,17
II. Cổ đông nước ngoài	0	0	0
* Cá nhân	0	0	0
* Tổ chức	0	0	0
III. Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng	625	25.000.000	

(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty chốt tại ngày 30/4/2016)

4.3 Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, cổ phần của cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu (31/05/2007). Do đó, đến thời điểm lập Bản công bố thông tin này, cổ phần của cổ đông sáng lập của Công ty không còn bị hạn chế chuyển nhượng.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của VQTC, những công ty mà VQTC đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với VQTC

5.1 Công ty mẹ của VQTC

Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP

Địa chỉ: Số 01, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Giấy CN ĐKKD: số 0100100015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội cấp ngày 23/01/2016.

Vốn điều lệ đăng ký: 1.050.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp: 1.050.000.000.000 đồng

Số điện thoại: (844). 36647515 Fax: (844). 36647493

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và tiêu thụ sản phẩm than, xi măng

Số cổ phần nắm giữ: 21.228.014 cổ phần, chiếm 84,91% vốn điều lệ

5.2 Công ty mà VQTC nắm giữ quyền kiểm soát/cổ phần chi phối:

Không có

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sau:

- Sản xuất xi măng, clinker và các sản phẩm vật liệu xây dựng khác
- Vận chuyển hàng hóa đường bộ

Hiện tại, Công ty bán hàng cho trên 60 cửa hàng tiêu thụ sản phẩm và các nhà phân phối. Ngoài ra, Công ty còn bán trực tiếp sản phẩm cho người tiêu dùng. Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty chủ yếu khu vực phía Bắc bao gồm các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao

Bảng, Lạng Sơn, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Bắc Giang...và các đơn vị trong Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

6.2 Doanh thu, lợi nhuận qua các năm

Cơ cấu doanh thu qua các năm

Đơn vị tính: đồng

1	Hoạt động trao đổi sản phẩm hàng hóa	510.969.470.078	96,08	544.244.539.512	96,27	296.242.745.439	99,17
2	Hoạt động cung cấp dịch vụ	20.858.478.175	3,92	21.104.746.646	3,73	2.485.591.271	0,83
Tổng cộng		531.827.948.253	100	565.349.286.158	100	298.728.336.710	100

Nguồn: BCTC kiểm toán 2015 và 6 tháng đầu năm 2016 của VQTC

Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm

Đơn vị tính: đồng

1	Hoạt động trao đổi sản phẩm hàng hóa	108.926.535.332	21,32	106.963.139.063	19,65	59.961.784.382	20,07
2	Hoạt động cung cấp dịch vụ	299.572.067	1,44	-1.249.032.449	-5,92	0	0
Tổng cộng		109.226.107.399	22,75	105.714.106.614	13,74	59.961.784.382	20,07

Nguồn: BCTC kiểm toán 2015 và 6 tháng đầu năm 2016 của VQTC

Những năm gần đây, kinh tế thế giới đã có những tín hiệu tích cực, kinh tế trong nước có dấu hiệu đi qua vùng đáy. Nhiều dự án đầu tư xây dựng, đặc biệt là các dự án bất động sản, cơ sở hạ tầng, giao thông đã được triển khai xây dựng. Song do tình trạng cung vượt cầu rất lớn đối với lĩnh vực sản xuất xi măng, mức dư thừa sản phẩm trong ngành còn cao, sản phẩm chịu sự cạnh tranh khốc liệt tại thị trường nội địa.

Công ty cũng gặp nhiều bất lợi do nằm trong vùng có mật độ các nhà máy xi măng nhiều nhất cả nước. Tình trạng cạnh tranh tại các khu vực là thị trường truyền thống rất quyết liệt làm cho thị phần giảm mạnh và tiêu thụ càng trở nên khó khăn.

Trong những năm qua, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn nhưng Công ty vẫn đảm bảo duy trì ổn định và giữ vững các vùng thị trường truyền thống, đồng thời mở thêm một số vùng thị trường mới, lựa chọn các đối tượng khách hàng có tiềm lực kinh tế tốt. Ngoài ra, Công ty

cũng tiến hành đánh giá các đối tượng cạnh tranh để xây dựng các chính sách bán hàng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro trong kinh doanh và thu hồi được công nợ sau bán hàng.

Trong năm 2015, một nguyên nhân khác khiến Công ty chưa đạt được mục tiêu về lợi nhuận là do Nhà nước thay đổi chính sách vận chuyển hàng hóa, tải trọng xe phải cắt giảm nhiều nên việc vận chuyển hàng hóa đi các vùng thị trường xa bị hạn chế. Mặt khác, do biến động tỷ giá trong năm quá lớn làm cho Công ty bị lỗ do chênh lệch tỷ giá.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2014, 2015 và lũy kế đến quý gần nhất

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015		6 tháng đầu năm 2016
		Giá trị	% thay đổi so với năm 2014	
Tổng giá trị tài sản	1.289.234.164.765	1.206.246.594.343	- 6,44	1.175.324.912.159
Vốn chủ sở hữu	119.719.376.799	126.630.234.620	5,77	140.480.432.683
Doanh thu thuần	531.827.948.253	565.349.286.158	6,30	298.728.336.710
Lợi nhuận từ hoạt động KD	125.806.269	6.936.180.014	5.413,38	13.860.282.650
Lợi nhuận khác	447.697.667	-25.322.193	/	(10.084.587)
Lợi nhuận trước thuế	573.503.936	6.910.857.821	1.105,02	13.850.198.063
Lợi nhuận sau thuế	573.503.936	6.910.857.821	1.105,02	13.850.198.063
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	276	1.100	554
Giá trị sổ sách/Cổ phiếu	4.789	5.065	5,77	5.619
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	-	0

Nguồn: BCTC kiểm toán 2015 và 6 tháng đầu năm 2016 của VQTC

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

a) Những nhân tố thuận lợi

- Những năm gần đây, nền kinh tế thế giới cũng như trong nước đã có dấu hiệu hồi phục. Thị trường bất động sản được hâm nóng trở lại, cùng với đó là thị trường tiêu thụ xi măng cũng bắt đầu ấm dần lên. Đây là cơ hội lớn để Công ty phát triển.
- Hệ thống cửa hàng phân phối của Công ty rộng khắp với 60 cửa hàng.
- Công ty có đội ngũ CBCNV chuyên nghiệp, nhiều kinh nghiệm trong kinh doanh và quản lý; tập thể người lao động đoàn kết, thống nhất cao.

b) Những nhân tố khó khăn

- Tình trạng cung vượt cầu rất lớn đối với lĩnh vực sản xuất xi măng, mức dư thừa sản phẩm trong ngành còn cao, sản phẩm chịu sự cạnh tranh khốc liệt tại thị trường nội địa.
- Công ty gặp nhiều bất lợi do nằm trong vùng có mật độ các nhà máy xi măng nhiều nhất cả nước. Tình trạng cạnh tranh tại các khu vực là thị trường truyền thống rất quyết liệt làm cho thị phần giảm mạnh và tiêu thụ càng trở nên khó khăn.
- Nhà nước thay đổi chính sách vận chuyển hàng hóa, tải trọng xe phải cắt giảm nhiều nên việc vận chuyển hàng hóa đi các vùng thị trường xa bị hạn chế.
- Biến động tỷ giá trong năm quá lớn làm cho Công ty bị lỗ do chênh lệch tỷ giá.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của công ty trong ngành

Với tiềm năng khoáng sản sẵn có của địa phương, lợi thế lớn nhất của Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI là sử dụng đá vôi của quá trình khai thác than làm nguyên liệu sản xuất chính, bên cạnh đó là vị trí địa lý thuận lợi. Nhà máy Xi măng Quán Triều được xây dựng gần bãi tập kết đá vôi của mỏ than Khánh Hòa, nên chi phí khai thác, vận chuyển nguyên liệu được tiết kiệm ở mức tối đa. Bên cạnh đó Công ty được sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP và các cơ chế riêng đặc thù trong Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Đây chuyên sản xuất của Công ty được vận hành bởi đội ngũ chuyên gia trong và ngoài nước am hiểu thiết bị, kỹ thuật công nghệ về sản xuất xi măng, cùng với đội ngũ cán bộ kỹ sư được đào tạo chính quy và có trình độ chuyên môn cao.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Ngành xi măng trong thời gian gần đây đã có sự hồi phục mạnh mẽ. Sản lượng xi măng, clinker xuất khẩu đang tăng mạnh cùng với đà hồi phục của tiêu thụ xi măng trong nước. Nguyên nhân đầu tiên là sự hồi phục thị trường bất động sản và xây dựng, với hàng loạt dự án được đẩy nhanh thời gian xây dựng, rao bán sau thời gian đóng băng. Mặt khác, từ cuối năm 2012, hướng xuất khẩu xi măng được mở ra, được đẩy mạnh trong năm 2013 đã có tác dụng khơi thông hoạt động xuất khẩu sản phẩm này của Việt Nam trong năm 2014 và 2015. Trước đó, trong suốt nhiều năm, các chuyên gia đã cảnh báo về thực tế dư thừa công suất và các dự án xi măng. Tuy nhiên, việc mở rộng được thị trường và tăng được sản lượng xuất

khẩu xi măng cho thấy các doanh nghiệp đã tìm được hướng khai thác tốt nhất của lợi thế xi măng Việt Nam. Tại thị trường trong nước, tiêu thụ xi măng cũng đạt mức tăng trưởng tốt. Tiêu thụ xi măng hiện đã hoàn toàn vận hành theo cơ chế thị trường, cạnh tranh bình đẳng, nên các doanh nghiệp phía Nam cũng tăng cường mua xi măng từ miền Bắc để đưa vào phía Nam tiêu thụ.

Trong những năm qua, tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế đạt mức khá ấn tượng. Trong kết cấu tăng trưởng đó, đầu tư cho các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ quốc kế dân sinh như giao thông, thủy lợi, cũng như các công trình phát triển công nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn. Dự báo nhu cầu xi măng năm 2020 là 93 - 95 triệu tấn và đến năm 2030 sẽ là 113 - 115 triệu tấn. Cùng với sự hồi phục dần của nền kinh tế, triển vọng ngành xi măng theo đó cũng trở nên sáng sủa hơn.

Về mặt quản lý, Chính phủ sẽ có chính sách, biện pháp để ổn định tỷ giá, giảm lãi suất cho vay, có lộ trình tăng giá than, điện hợp lý. Bộ Xây dựng cũng phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các địa phương xây dựng chương trình sử dụng các sản phẩm xi măng trong các công trình giao thông nhằm giảm nhập khẩu nhựa đường, tiết kiệm ngoại tệ, tăng độ bền cho đường, đồng thời tăng sản lượng tiêu thụ cho các doanh nghiệp xi măng, đưa việc tăng trưởng của ngành xi măng vào đúng lộ trình phát triển đề ra tại “Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến năm 2030” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Theo Quyết định số 1488/QĐ-TTg ngày 29/08/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến năm 2030, mục tiêu phát triển của ngành công nghiệp xi măng Việt Nam là theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và bền vững, có công nghệ tiên tiến, sản phẩm đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, đáp ứng nhu cầu thị trường, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu và tiêu hao năng lượng thấp, bảo vệ môi trường cảnh quan thiên nhiên.

Với tốc độ phát triển kinh tế của Việt Nam trong những năm gần đây, đời sống của người dân được nâng cao nhiều, do đó nhu cầu sử dụng các dịch vụ cũng tăng. Nhu cầu xi măng trong các năm tới được dự báo vẫn tiếp tục tăng do Việt Nam gia nhập các tổ chức kinh tế thế giới nên có nhiều cơ hội để đẩy mạnh hợp tác kinh tế, quốc tế và phát triển đất nước, nhất là mức đầu tư cho xây dựng ngày càng tăng. Bên cạnh đó, với sự ấm dần lên của thị trường bất động sản, nhu cầu xi măng theo đó cũng tăng lên.

Trong giai đoạn 2016 - 2020, Công ty đặt ra mục tiêu tốc độ tăng trưởng bình quân/năm của sản lượng sản phẩm toàn Công ty đạt trên 10% một năm. Điều này phù hợp với chiến lược phát triển của Chính phủ và của ngành đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Tình hình lao động

Tính đến thời điểm 31/5/2016, toàn Công ty có 398 lao động.



Cơ cấu lao động của công ty

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Trên đại học		
Đại học	142	35,6
Trung cấp + Cao đẳng	91	22,9
Công nhân	161	40,4
Lao động phổ thông	4	1
Tổng số		

Nguồn: VQTC

9.2 Chính sách đối với người lao động

a) Chế độ làm việc

- **Thời gian làm việc:** Công ty tổ chức làm việc không quá 8h/ngày, 48 giờ trong tuần. Tùy theo điều kiện, khối lượng công việc và khả năng thực hiện nhiệm vụ mà tổ chức thực hiện chế độ làm việc 40 giờ trong tuần (05 ngày) nghỉ thứ 7, chủ nhật. Trường hợp phải làm thêm giờ do yêu cầu của sản xuất kinh doanh không quá 04 giờ trong một ngày và 200 giờ trong một năm.

Thời gian nghỉ ngơi:

- 30 phút tính vào giờ làm việc nếu làm việc liên tục ban ngày.
 - 45 phút tính vào giờ làm việc nếu làm việc liên tục ban đêm.
 - Đảm bảo người lao động một tuần được nghỉ một ngày trở lên.
 - Người lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi không được bố trí làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm và đi công tác xa.
- **Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết:** Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty được nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm, thai sản theo quy định của Bộ Luật lao động, cụ thể:
 - Nghỉ phép năm 12 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện bình thường.
 - Nghỉ phép năm 14 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (lái xe...).
 - Số ngày nghỉ phép được tăng theo thâm niên làm việc tại Công ty, cứ đủ 05 năm được nghỉ thêm 01 ngày, có đủ 30 năm trở lên được nghỉ thêm 06 ngày.
 - Nghỉ Tết dương lịch 01 ngày; nghỉ Tết âm lịch 05 ngày; nghỉ Giỗ tổ Hùng Vương 01 ngày; nghỉ lễ 30/04 01 ngày; nghỉ ngày Quốc tế lao động 01 ngày; nghỉ Quốc khánh 01 ngày, nghỉ vào ngày truyền thống công nhân mỏ-truyền thống ngành than 01 ngày.
 - **Điều kiện làm việc:** Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ,

thiết bị hỗ trợ công việc. Những CBCNV do yêu cầu công việc phải đi công tác xa sẽ được hưởng phụ cấp công tác phí và thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định của pháp luật.

b) Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Công ty có xây dựng một quy chế cụ thể về chính sách đào tạo được công bố công khai tới toàn bộ CBCNV trong Công ty. Chính sách đào tạo được xây dựng phù hợp theo các yêu cầu của công việc. Việc tuyển dụng lao động đảm bảo công khai, công bằng và có sự ưu tiên theo quy định của Nhà nước. Tùy theo đặc điểm, điều kiện xã hội, yêu cầu sản xuất của Công ty trong từng thời kỳ, khi cần đối lao động thiếu nghề nào Công ty sẽ tuyển dụng nghề đó.

c) Chính sách lương và thưởng

CBCNV của Công ty được tham gia và hưởng các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tùy lĩnh vực công tác mà nhân viên công ty còn nhận được phụ cấp liên quan.

Việc trả lương của Công ty được thực hiện theo nguyên tắc phân phối theo lao động, làm việc gì, giữ chức vụ gì thì trả lương theo công việc, chức vụ đó. Công ty luôn đảm bảo trả lương thỏa đáng (không hạn chế mức tối đa) đối với người có tài năng, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật và đóng góp nhiều cho đơn vị, nhằm tạo động lực khuyến khích, động viên người lao động không ngừng phấn đấu tăng năng suất lao động, chất lượng công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Việc trả lương, thưởng luôn đảm bảo dân chủ, công khai.

9.3 Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân	đồng/người/tháng	4.709.978	5.948.488	6.595.658
Tăng trưởng	%		25,5	11,8

Nguồn: VQTC

Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty được giữ mức ổn định qua các năm. Đây là mức thu nhập khá so với các doanh nghiệp khác trong ngành trên địa bàn.

10. Chính sách cổ tức

HDQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHĐCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. VQTC cũng xét tới kế hoạch và định hướng, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý.

Trong những năm qua, hoạt động kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn. Tại thời điểm 31/12/2015, lỗ lũy kế của Công ty là 123,37 tỷ đồng. Do vậy Công ty không có nguồn để chi trả cổ tức trong những năm qua.

11. Tình hình hoạt động tài chính



11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

11.1.1 Trích khấu hao Tài sản cố định

Chi phí khấu hao TSCĐ của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính. cụ thể như sau:

- TSCĐ được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá TSCĐ bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Mức trích khấu hao được trích tối đa bằng 02 lần mức khấu hao theo đường thẳng quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:
 - o Máy móc thiết bị 1,5-5 năm
 - o Phương tiện vận tải 3-4 năm
 - o Phần mềm máy tính 1,5-3 năm
 - o Nhà cửa vật kiến trúc 25 năm

11.1.2 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015, Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

11.1.3 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp thuế theo quy định của Nhà nước.

Số dư các loại thuế phải nộp theo luật định

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
Thuế GTGT	4.946.804.151	19.285.399.108	30.740.335.929
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
Thuế tài nguyên	947.700	12.683.250	20.471.535
Thuế đất và tiền thuê đất	-	4.217.175	
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	
Tổng cộng	4.947.751.851	19.302.299.533	30.760.807.464

Nguồn: BCTC kiểm toán 2015 và 6 tháng đầu năm 2016 của VQTC

11.1.4 Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

11.1.5 Tổng dư nợ vay

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
Vay và nợ ngắn hạn	323.653.875.427	292.367.209.985	190.509.129.292
Vay và nợ dài hạn	618.798.053.609	539.126.458.588	654.792.327.948

Nguồn: BCTC kiểm toán 2015 và 6 tháng đầu năm 2016 của VQTC

Hiện tại, Công ty không có nợ các khoản nợ phải trả quá hạn.

11.1.6 Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
Phải thu ngắn hạn	41.008.988.527	44.908.184.011	52.757.436.463
Phải thu khách hàng	46.197.077.554	51.417.746.544	60.627.586.428
Trả trước cho người bán	5.000.000	57.000.000	30.000.000
Phải thu khác	629.035.749	317.533.038	188.342.139
Dự phòng phải thu khó đòi	- 5.822.124.776	- 6.884.095.571	-8.088.492.104
Phải thu dài hạn	-	-	
Tổng cộng	41.008.988.527	44.908.184.011	

Nguồn: BCTC kiểm toán 2015 và 6 tháng đầu năm 2016 của Công ty

Các khoản phải trả

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
Tổng nợ ngắn hạn	520.128.614.678	540.489.901.135	380.052.151.528
Phải trả người bán ngắn hạn	164.411.158.507	209.529.894.518	149.337.383.951
Người mua trả tiền trước	11.464.602.962	1.362.187.486	2.395.171.186
Thuế và các khoản phải nộp NN	4.947.751.851	19.302.299.533	30.760.807.464
Phải trả người lao động	4.774.196.658	4.810.768.093	2.761.729.441

Chi phí phải trả	2.511.519.593	1.062.178.529	2.704.273.198
Phải trả nội bộ	7.227.727.639	-	-
Doanh thu chưa thực hiện	939.130.435	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	198.651.606	12.055.362.991	1.583.656.996
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	323.653.875.427	292.367.209.985	190.509.129.292
Tổng nợ dài hạn	649.386.173.288	539.126.458.588	654.792.327.948
Phải trả người bán dài hạn	30.588.119.679	-	
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	618.798.053.609	539.126.458.588	654.792.327.948
Tổng cộng	1.169.514.787.966	1.079.616.359.723	1.034.844.479.476

Nguồn: BCTC kiểm toán 2015 và 6 tháng đầu năm 2016 của VQTC

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2014	Năm 2015
<u>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,22	0,19
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,13	0,11
<u>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)</u>			
Nợ/Tổng tài sản	%	90,71	89,50
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	976,88	852,57
<u>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</u>			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	8,75	10,09
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,40	0,45
<u>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</u>			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,11	1,22
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	0,48	5,61
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,04	0,55
Lợi nhuận SXKD/Doanh thu thuần	%	0,02	1,23

Nguồn: Tính toán từ BCTC kiểm toán 2014, 2015 của Công ty

12. Tài sản

Giá trị tài sản cố định hữu hình theo báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2015.

Đơn vị giá trị: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	399.262.833.148	321.500.824.038	80,52
2	Máy móc, thiết bị	1.003.143.065.615	752.728.898.410	75,04
3	Phương tiện vận tải	2.158.678.113	1.098.633.554	50,89
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.204.146.585	475.701.341	39,51
Cộng		1.405.768.723.461	1.065.080.479.994	75,76

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 của Công ty

Giá trị tài sản cố định vô hình theo báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2015.

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
1	Quyền sử dụng đất	27.115.865.482	22.166.768.015	81,75
2	TSCĐ vô hình khác	0	0	
Cộng		27.115.865.482	22.166.768.015	

Nguồn: BCTC kiểm toán 2014, 2015 của Công ty

Diện tích đất đai Công ty hiện đang quản lý, sử dụng như sau:

TT	Địa chỉ thửa đất	Diện tích (m ²)	Căn cứ pháp lý	Mục đích sử dụng
1	Xã Phúc Hà – TP Thái Nguyên	42.394,6	Hợp đồng thuê đất số 90/HĐTĐ ngày 16/10/2014	Phục vụ sản xuất kinh doanh
2	Xã An Khánh – Đại Từ- Thái Nguyên	164.705,7	Hợp đồng thuê đất số 89/HĐTĐ ngày 16/10/2014	Phục vụ sản xuất kinh doanh
Tổng cộng		207.100,3		

Nguồn: VQTC

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

13.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017	
		Giá trị	% tăng trưởng	Giá trị	% tăng trưởng
Vốn điều lệ	Tr.Đồng	250.000	-	250.000	-

Doanh thu thuần	Tr.Đồng	580.232	2,63	638.255	10
Lợi nhuận sau thuế	Tr.Đồng	20.000	189,40	30.000	50
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,4	-	4,7	1,3
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	8,0	-	12	4
Cổ tức	%	0	0	0	0

Nguồn: Nghị quyết ĐHDCĐ thường niên 2016 và Kế hoạch kinh doanh năm 2017

13.2 Căn cứ xây dựng kế hoạch lợi nhuận, cổ tức:

Để thực hiện kế hoạch đề ra trong năm 2016, Công ty xác định một mặt phải tiếp tục ổn định công tác tổ chức sản xuất, mặt khác phải đặt biệt quan tâm chú trọng đến công tác tiêu thụ, phát triển thị trường, để làm được điều đó Công ty thực hiện các công việc sau:

13.2.1. Về công tác sản xuất

a. Về thiết bị

Tuân thủ các quy định về vận hành, thường xuyên kiểm tra tình hình của máy móc, thiết bị, hệ thống dây chuyền sản xuất; rà soát tình trạng hoạt động của thiết bị để giảm thời gian dừng vật.

Tăng cường công tác điều hành sản xuất, phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong khối và bộ phận tiêu thụ để đưa ra lịch chạy hoặc dừng thiết bị hợp lý nhất, đảm bảo cho thiết bị chạy liên tục, dài ngày, hạn chế số lần khởi động và dừng thiết bị.

Tăng cường công tác nghiên cứu cải tiến kỹ thuật; Tiến hành khắc phục và sửa chữa các thiết bị như máy nghiền nguyên liệu, máy nghiền xi, máy nghiền than nhằm nâng cao năng suất thiết bị, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm; Tính toán tối ưu hóa thời gian bảo trì và thời gian chạy máy để đảm bảo thiết bị chạy ổn định nhất, chủ động dừng các thiết bị vào giờ cao điểm để giảm chi phí điện năng.

Triển khai đầu tư xây dựng mới 01 xi lô xi măng chứa xi măng bột PC30 để đảm bảo chất lượng xi măng ổn định, không bị lẫn mác và thuận lợi cho việc tiêu thụ sản phẩm.

Tiết kiệm chi phí trong quá trình sản xuất bằng cách tăng cường công tác bảo dưỡng sửa chữa để giảm thời gian ngừng sản xuất nâng cao hiệu suất thiết bị, nâng cao năng suất lò nung và công suất nghiền xi măng. Cung cấp nhanh chóng, kịp thời vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế để đảm bảo cho quá trình sản xuất của nhà máy được liên tục. Tăng tỷ lệ phối trộn than cám 4A Núi Hồng với than cám 5 Khánh Hòa để đảm bảo có đủ nguồn nhiên liệu phục

vụ sản xuất đồng thời mang lại hiệu quả kinh tế cao. Quản lý chặt chẽ hệ thống kho bãi chứa nguyên vật liệu một cách tiết kiệm, khoa học.

Xây dựng kế hoạch tổng hợp, chi tiết cho từng đơn vị. Kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch đã đặt ra đối với từng đơn vị và có những biện pháp điều chỉnh cần thiết, kịp thời.

b. Về công nghệ sản xuất

Triển khai tích cực các giải pháp công nghệ để nâng cao mác nền clinker và xi măng, tổ chức giám sát chặt chẽ hệ số phối liệu từ khâu lựa chọn nguyên liệu đến khâu vận hành thiết bị để giữ phối liệu ổn định.

Nghiên cứu cân đối tỷ lệ từng loại phụ gia, tiến hành thử nghiệm khả năng hoạt tính, khả năng cải thiện màu sắc để xác định tỷ lệ phụ gia tối ưu nhằm hạ giá thành sản xuất và tăng cường tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

Khai thác hiệu quả nguồn nguyên liệu hiện có để đáp ứng ổn định phối liệu và giảm tiêu hao các nguyên liệu điều chỉnh.

Nghiên cứu các biện pháp sản xuất clinker với chất lượng tốt, mác cao để có khả năng pha được nhiều phụ gia xi măng, tăng được khối lượng xi măng để giảm chi phí giá thành trên một tấn sản phẩm.

Sử dụng phụ gia trợ nghiền cho khoảng 50% xi măng rời 40, phần đầu đưa phụ gia vào nghiền xi măng PCB 40 18-20%.

Kiểm tra chặt chẽ chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, tuân thủ quy trình công nghệ đảm bảo chất lượng hàng khi xuất bán.

Kiểm tra giám sát chặt chẽ chất lượng sản phẩm bằng cách kiểm tra sát sao chất lượng nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất, tuân thủ quy trình kỹ thuật công nghệ, kiểm soát chất lượng sản phẩm xuất bán. Đặc biệt tăng cường kiểm soát chặt chất lượng đá vôi đầu vào, dự trữ vật tư, nguyên vật liệu hợp lý phục vụ kịp thời sản xuất, xây dựng bài toán phối liệu phù hợp với sự dao động của nguyên liệu đầu vào, kiểm tra thường xuyên, liên tục chất lượng xi măng, clinker xuất bán, tuyệt đối không đưa ra thị trường những sản phẩm kém chất lượng.

c. Về công tác An toàn lao động

Đặc biệt chú trọng đến công tác An toàn vệ sinh lao động – Phòng chống cháy nổ trong đơn vị, nâng cao ý thức tự giác của người lao động thực hiện tốt việc sử dụng đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động cá nhân theo đúng quy định, tuyên truyền, vận động người lao động tự bảo vệ mình, bảo vệ đồng đội.



Kiên quyết không để xảy ra tai nạn lao động nặng, tai nạn lao động chết người và sự cố thiết bị loại I, loại II.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tăng cường kỷ luật lao động đối với các cá nhân vi phạm, động viên, khen thưởng kịp thời các cá nhân xuất sắc.

Xây dựng, bổ sung và hoàn thiện các biện pháp an toàn trong thực hiện nhiệm vụ, tích cực cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, phòng chống độc hại tại các vị trí sản xuất.

Phấn đấu chấm điểm cuối năm Công ty đạt loại xuất sắc.

d. Về thị trường tiêu thụ

Thực hiện nghiêm túc cơ chế điều hành của Tổng Công ty Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc và Cơ chế điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2016.

Xây dựng và phát triển hệ thống mạng lưới tiêu thụ, mở rộng thị trường ra các địa bàn có tiềm năng, xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với hệ thống đại lý và nhà phân phối để tăng sản lượng tiêu thụ. Có chế độ chính sách bán hàng linh hoạt, phù hợp để nâng cao chất lượng dịch vụ bán hàng và sau bán hàng. Tổ chức chăm sóc khách hàng hiện có và phát triển thêm khách hàng mới, có chiến lược tăng sản lượng tiêu thụ vào các thị trường Thái Nguyên, Hà Nội, trong đó tập trung trọng điểm tăng sản lượng tại thị trường Thái Nguyên, Sóc Sơn-Đông Anh.

Tiếp tục giữ vững thị trường đang có, chọn lọc khách hàng tiềm năng, giảm bớt việc bán hàng trả chậm, xây dựng thương hiệu thông qua quảng cáo, chăm sóc khách hàng và duy trì sự ổn định của chất lượng sản phẩm. Đẩy mạnh tiêu thụ ở khu vực giá cao như tỉnh Thái Nguyên, Cao Bằng, Bắc Kạn, giữ vững thị trường Bắc Giang, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh. Tăng cường cán bộ kiểm tra kiểm soát thị trường, chăm sóc khách hàng, nhằm đẩy mạnh tiêu thụ sản lượng xi măng.

Thực hiện chiết khấu năm đối với các khách hàng trên các khu vực thị trường nhằm đảm bảo sự cam kết gắn bó lâu dài giữa Công ty và khách hàng.

Cụ thể đối với các khu vực thị trường như sau:

❖ Đối với thị trường tỉnh Thái Nguyên:

- Thực hiện ký hợp đồng đối với các khách hàng cam kết đạt sản lượng năm, giá theo biến động thị trường đảm bảo tiêu thụ hết sản lượng 150.000 tấn/năm.
- Tăng cường bám sát thị trường, quảng bá thương hiệu.

❖ Đối với thị trường tỉnh Bắc Kạn, Cao Bằng, Sơn Dương:



- Thực hiện ký hợp đồng đối với các khách hàng cam kết đạt sản lượng năm, giá theo biến động thị trường.
- Tăng cường bám sát thị trường, quảng bá thương hiệu.
- Tăng cường đưa sản phẩm xi măng Quán Triều vào các công trình xây dựng thông qua các Sở ban ngành tại địa bàn để tăng sản lượng tiêu thụ đảm bảo hoàn thành kế hoạch được giao.
- ❖ *Đối với các thị trường còn lại:* Tiếp tục giữ vững thị phần, theo dõi bám sát thị trường, kiểm tra kiểm soát thị trường chặt chẽ.

13.2.2 Về công tác Tài chính

Tập trung giải quyết nguồn vốn, tiếp tục mở rộng quan hệ tín dụng với các ngân hàng, đảm bảo nguồn vốn phục vụ cho quá trình sản xuất ổn định của nhà máy, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng vòng quay luân chuyển vốn lưu động, không để nợ tồn đọng và thất thoát vốn.

Tăng cường công tác thu hồi công nợ, giữ vững các khách hàng có khả năng thanh toán tiền ngay, đúng hạn. Tuyệt đối không để phát sinh nợ xấu, nợ dây dưa, công nợ khó đòi.

Không để thất thoát tài sản, vật tư, tiền vốn, cố gắng tìm các biện pháp đẩy mạnh tiêu thụ để có nguồn thanh toán công nợ kịp thời, giảm số dư nợ vay vốn lưu động. Thực hiện thanh toán nợ phải trả đối với khách hàng đúng thời hạn quy định, không để nợ quá hạn.

13.2.2. Về công tác tổ chức lao động

Chuẩn bị đầy đủ nguồn nhân lực, vật lực để sẵn sàng triển khai các công việc, nhằm đáp ứng tốt những yêu cầu công việc đặt ra. Có kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ, đội ngũ công nhân kỹ thuật, nghiệp vụ. Nâng cao tư duy cán bộ công nhân viên về tính chủ động trong công việc, thực hiện tốt công tác bình công chấm điểm để trả lương xứng đáng với năng lực trình độ chuyên môn. Kiên quyết không sử dụng những người lao động lười biếng, có tay nghề kém, trình độ chuyên môn nghiệp vụ yếu và thiếu trách nhiệm trong công tác sau khi đã trải qua quá trình đào tạo, rèn luyện.

Tiếp tục sắp xếp lại lực lượng lao động, tiến hành đào tạo, bổ nhiệm cán bộ tại các vị trí chủ chốt nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công tác.

Nâng cao ý thức trách nhiệm của người lao động. Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện ăn ở và làm việc cho người lao động để người lao động yên tâm công tác như: bố trí nơi ăn chốn ở, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất nơi làm việc, tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ thể thao trong toàn Công ty, xây dựng đời sống tinh thần cho CBCNV ngày càng được nâng cao. Tăng cường công tác an ninh giữ gìn trật tự trong địa bàn



nhà máy, tăng cường sức mạnh đội ngũ bảo vệ của Công ty ngày một lớn mạnh, để đóng góp nhiều hơn nữa trong công tác giữ gìn an ninh trật tự, góp phần hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2016.

14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Năm 2016, tình hình kinh tế thế giới đã có những dấu hiệu phục hồi, kinh tế Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực, tăng trưởng GDP năm 2016 dự kiến đạt từ 6,7% – 6,8%. Tuy nhiên dự báo thị trường tiêu thụ xi măng vẫn cạnh tranh khốc liệt, khó khăn và thách thức đối với Công ty còn lớn. Tình hình đó sẽ tác động trực tiếp và ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Mục tiêu trong các năm tiếp theo của Công ty là: Duy trì và ổn định sản xuất; Cải tạo đổi mới công nghệ; Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp, tiết kiệm; Nâng cao hiệu quả hoạt động, nhằm tối đa các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty; Tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động; Đóng góp cho ngân sách Nhà nước; Phấn đấu đến năm 2018 Công ty bắt đầu chia cổ tức cho các cổ đông.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá của cổ phiếu

Không có.

IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ngô Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành
2	Nguyễn Mạnh Danh	Ủy viên HĐQT kiêm giám đốc	Điều hành
3	Hà Văn Chuyên	Ủy viên HĐQT	Không điều hành
4	Đông Quang Lục	Ủy viên HĐQT	Không điều hành
5	Đỗ Ngọc Huy	Ủy viên HĐQT kiêm phó giám đốc	Điều hành

Các thông tin liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị như sau:



12. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác, nơi công tác
03/1990-12/1993	Kỹ thuật viên phòng KT
01/1994-09/1994	Thợ sửa chữa
10/1994-12/2002	KT viên phòng cơ điện XN Than Núi Hồng
01/2003-11/2003	Phó phòng cơ điện Công ty Than Núi Hồng
12/2003-02/2006	Phó phòng cơ điện Cty Than Na Dương
03/2006-12/2008	Chuyên viên phòng cơ điện – TCT CN Mỏ Việt Bắc - Vinacomin
01/2009- nay	Phó phòng cơ điện TCT CN mỏ Việt Bắc TKV-CTCP
04/2012- nay	Ủy viên HĐQT Công ty CP Xi măng Quán Triều - VVMI

13. Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Phó phòng cơ điện Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc TKV-CTCP

14. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

15. Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không

16. Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao hội đồng quản trị

17. Lợi ích liên quan đối với công ty (nếu có): Không có

18. Số cổ phần nắm giữ của bản thân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần của Công ty

19. Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần

20. Những người có liên quan:

Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ trong công ty	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Hà Lạp	Bố đẻ	0	0
Bùi Thị Nhỡ	Mẹ đẻ	0	0
Phùng Thị Thái	Vợ	0	0
Hà Thùy Trang	Con	0	0
Hà Thùy Dung	Con	0	0
Hà Minh Tuấn; Hà Văn Tuyển	Anh trai	0	0
Hà Thị Nhân	Em gái	0	0

d) Ông Đồng Quang Lực – Thành viên Hội đồng quản trị

1. Họ và tên: Đồng Quang Lực

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 06/10/1965

4. Nơi sinh: Xã Hùng Sơn - Huyện Đại Từ - Tỉnh Thái Nguyên
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 2, Phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên
7. Chứng minh thư nhân dân số: 090526845
8. Nơi cấp: Thái nguyên; Ngày cấp: 20/4/2016.
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí ngành chế tạo máy; Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng phòng Phòng Quản lý vốn - Tổng Công ty CN mỏ Việt Bắc TKV - CTCP
12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 3/1994 đến 12/1994	Ban CBSX Nhà máy xi măng La Hiên	Nhân viên Ban CBSX
Từ 1/1995 đến 10/1996	Nhà máy xi măng La Hiên	Nhân viên phòng Công nghệ
Từ 10/1995 đến 10/1996	Nhà máy xi măng La Hiên	Phó phòng công nghệ
Từ 10/1996 đến 12/2003	Nhà máy xi măng La Hiên	Trưởng phòng công nghệ
Từ 01/2004 đến 8/2007	Nhà máy xi măng La Hiên	Phó Giám đốc
Từ 8/2007 đến 12/2015	Cty CP XM Tân Quang	Giám đốc
Từ T01/2016 đến nay	Tổng Công ty CN mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	TP Phòng quản lý vốn
Từ 11/04/2016 đến nay	CTCP Xi măng Quán Triều VVMI	UV Hội đồng quản trị Công ty

13. Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không
14. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
15. Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
16. Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT
17. Lợi ích liên quan đối với công ty (nếu có): Không có
18. Số cổ phần nắm giữ của bản thân: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần của Công ty
19. Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
20. Những người có liên quan:

Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ trong công ty	Tỷ lệ nắm giữ (%)

Đông Quang Khánh	Bố đẻ	0	0
Lê Thị Chức	Mẹ đẻ	0	0
Hoàng Thị Thúy	Vợ	0	0
Đông Thúy Quỳnh	Con	0	0
Đông Quang Minh	Con	0	0
Đông Thị Hường	Chị gái	0	0
Đông Quang Nghị	Anh trai	0	0
Đông Thị Nga	Chị gái	0	0
Đông Thị Thu	Em gái	0	0
Đông Thị Nhung	Em gái	0	0

e) Ông Đỗ Ngọc Huy – Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Đỗ Ngọc Huy Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 19/04/1979
- Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị
- Số CMND: 090764823 do Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 01/6/2004
- Quê quán: Xã Xuân Hòa huyện Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam.
- Địa chỉ thường trú: 17 Phường Tích Lương Thành phố Thái Nguyên.
- Chỗ ở hiện tại: 17 Phường Tích Lương Thành phố Thái Nguyên.
- Số điện thoại liên lạc: 0982190479
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Silicat
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác, nơi công tác
10/6/2003 đến 25/6/2005	Cán bộ kỹ thuật nhà máy xi măng La Hiên – huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên.
05/6/2005 đến 05/10/2007	Phó Phòng kỹ thuật nhà máy xi măng La Hiên– huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên.
05/10/2007 đến 01/01/2011	Trưởng phòng kỹ thuật nhà máy xi măng La Hiên– huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên.
01/01/2011 đến 01/4/2013	Phó phòng Kỹ thuật Vật liệu xây dựng – Tổng công ty CN mở Việt bắc – Vinacomin: Đ/c số 1 Phan Đình Giót – Thanh Xuân – Hà Nội.
01/4/2013 đến nay	Phó giám đốc – Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI. Đ/c: Xã An Khánh huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên.
06/04/2013 đến nay	Ủy viên HĐQT Công ty CP Xi măng Quán Triều - VVMI

13. Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không
14. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
15. Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
16. Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao hội đồng quản trị
17. Lợi ích liên quan đối với công ty (nếu có): Không có
18. Số cổ phần nắm giữ của bản thân: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần của Công ty
19. Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
20. Những người có liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %
Đỗ Ngọc Minh	Bố đẻ	0	0
Lê Thị Chức	Mẹ đẻ	0	0
Lê Thị Đỗ Oanh	Vợ	0	0
Đỗ Ngọc Linh	Con	0	0
Đỗ Ngọc Bảo	Con	0	0
Đỗ Ngọc Anh	Em trai	0	0
Đỗ Thị Khánh Ngọc	Em gái	0	0

2. Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Tạ Văn Long	Trưởng ban Kiểm soát
2	Lê Minh Hiền	Ủy viên Ban Kiểm soát
3	Lê Thị Hồng Cẩm	Ủy viên Ban Kiểm soát

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban kiểm soát như sau:

a) Ông Tạ Văn Long- Trưởng ban kiểm soát

- Họ và tên: Tạ Văn Long Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 16/01/1979
- Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát
- Số CMND: 0962000965 do Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 06/5/2016
- Quê quán: Mai Trung – Hiệp Hòa – Bắc Giang
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam.
- Địa chỉ thường trú: Phường Quan Triều – TP Thái Nguyên – Tỉnh Thái Nguyên
- Chỗ ở hiện tại: Phường Quan Triều – TP Thái Nguyên – Tỉnh Thái Nguyên

9. Số điện thoại liên lạc: 0913 176 286
 10. Trình độ văn hoá: 12/12
 11. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
 12. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác, nơi công tác
01/5/2003 đến 30/5/2004	Cán bộ Phòng TCLĐ – Xí nghiệp sản xuất và cung ứng Vật liệu xây dựng
01/6/2004 đến 30/5/2006	Phó Phòng TCLĐ – Xí nghiệp sản xuất và cung ứng Vật liệu xây dựng
01/6/2006 đến 30/10/2007	Phó Phòng TCLĐ – Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Than Nội địa
01/11/2007 đến 30/2/2014	Trưởng Phòng TCLĐ – Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Kinh doanh tổng hợp VVMI
01/3/2014 đến 30/6/2014	Phó phòng TCHC – Công ty cổ phần xi măng Quán Triều – VVMI.
01/7/2014 đến 9/3/2016	Trưởng phòng TCHC – Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI.
10/3/2016 đến 10/4/2016	Trưởng phòng Kế toán Thống kê Tài chính– Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI.
11/4/2016 – đến nay	Trưởng Ban kiểm soát – Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI

13. Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không
 14. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
 15. Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
 16. Thù lao và các khoản lợi ích khác: Tiền lương Trưởng ban kiểm soát
 17. Lợi ích liên quan đối với công ty (nếu có): Không có
 18. Số cổ phần nắm giữ của bản thân: 0 chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần của Công ty
 19. Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 20. Những người có liên quan:

Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ trong công ty	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Tạ Văn Quang	Bố đẻ	0	0
Nguyễn Thị Hoàn	Mẹ đẻ	0	0
Hoàng Thị Hồng Nga	Vợ	0	0
Tạ Minh Hiếu	Con	0	0
Tạ Nam Khải	Con	0	0
Tạ Thị Cảnh	Chị gái	0	0

Tạ Văn Anh	Anh trai	0	0
Tạ Thị Lý	Em gái	0	0

b) Lê Minh Hiền - Ủy viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Lê Minh Hiền Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 21 tháng 2 năm 1981
- Chức vụ: Ủy viên Ban kiểm soát
- Số CMND: 011 939 855 do Công an tỉnh: Hà Nội, cấp ngày: 21 tháng 2 năm 2012
- Quê quán: Huyện Gia Viễn – Tỉnh Ninh Bình
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam.
- Địa chỉ thường trú: Số 38 tổ 17 – Phố Khương Trung – Thanh Xuân - Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: Số 38 tổ 17 – Phố Khương Trung – Thanh Xuân - Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0983.225.479
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác, nơi công tác
1/10/2003 đến 13/4/2009	Cán bộ phòng kiểm toán nội bộ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc – TKV.
14/3/2009 đến 30/10/2015	Kế toán trưởng – Công ty than Khánh Hoà – VVMI.
1/11/2015 đến nay	Phó phòng kiểm soát nội bộ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP.

- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Trưởng ban kiểm soát – Công ty CP vật liệu xây dựng và kinh doanh tổng hợp - VVMI
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao Ủy viên Ban kiểm soát
- Lợi ích liên quan đối với công ty (nếu có): Không có
- Số cổ phần nắm giữ của bản thân: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần của Công ty
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Những người có liên quan:

Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ trong công ty	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Lê Văn Nhân	Bố đẻ	0	0
Lâm Thị Thành	Mẹ đẻ	0	0

Trần Thị Thanh Hoa	Vợ	0	0
Lê Mạnh Hà	Con	0	0
Lê Ngọc Minh Châu	Con	0	0
Lê Ngọc Hiếu	Anh Trai	0	0
Lê Văn Hải	Em Trai	0	0

c) Lê Thị Hồng Cẩm- Ủy viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Lê Thị Hồng Cẩm Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 22/07/1979
- Chức vụ: Ủy viên Ban kiểm soát
- Số CMND: 026179000072 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp
- Quê quán: Mê linh- Vĩnh Phúc
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam.
- Địa chỉ thường trú: Nhà số 2 ngõ 234 đường Trường Chinh- phường Khương Thượng- quận Đống Đa- Hà Nội.
- Chỗ ở hiện tại: Nhà số 27 ngõ 67 phố Thái Thịnh- phường Thịnh Quang- quận Đống Đa- Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc: 090.327.9799
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế trường Đại học tài chính kế toán Hà Nội
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác, nơi công tác
1/08/2001 đến nay	Cán bộ phòng kế toán thống kê tài chính- Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP

- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác:
- Lợi ích liên quan đối với công ty (nếu có): Không có
- Số cổ phần nắm giữ của bản thân: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần của Công ty
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Những người có liên quan:

Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ trong công ty	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Lê Kim Bảng	Bố đẻ	?	0
Trần Thị Hòa	Mẹ đẻ	0	0

Triệu Đại	Chồng	0	0
Triệu Đạt	Con	0	0
Triệu Quang Khải	Con	0	0
Lê Thanh Dương	Anh trai	0	0
Lê Thanh Thủy	Anh trai	0	0

3. Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Mạnh Danh	Giám đốc
2	Văn Trọng Tuấn	Phó Giám đốc
3	Nguyễn Sóng Gió	Phó Giám đốc
4	Đỗ Ngọc Huy	Phó Giám đốc
5	Nguyễn Mạnh Thắng	Kế toán trưởng

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban Giám đốc như sau:

a) Ông Nguyễn Mạnh Danh – Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc

Xem trong mục thông tin có liên quan đến thành viên HĐQT

b) Ông Văn Trọng Tuấn – Phó Giám đốc

1. Họ và tên: Văn Trọng Tuấn Giới tính: Nam
2. Ngày tháng năm sinh: 11/10/1976
3. Chức vụ: Phó Giám đốc
4. Số CMND: 090715521 do Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 07/11/2009
5. Quê quán: Yên Lãng – Đại Từ- Thái Nguyên
6. Dân tộc: Cao lan Quốc tịch: Việt Nam.
7. Địa chỉ thường trú: Tổ 18 phường Quang Trung- TP Thái Nguyên.
8. Chỗ ở hiện tại: Tổ 18 phường Quang Trung- TP Thái Nguyên
9. Số điện thoại liên lạc: 0979826811
10. Trình độ văn hoá: 12/12
11. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư tự động hóa cung cấp điện
12. Quá trình công tác:

Thời gian

Chức vụ công tác, nơi công tác

01/2002-2/202	Tập sự nghề- Phân xưởng Cơ điện- XN Than Núi Hồng-Đại Từ- TN.
03/2002- 4/2007	KS phòng Cơ điện- XN Than Núi Hồng- Đại Từ- Thái Nguyên
05/2007- 6/2007	Phó phòng xây dựng cơ bản- Chi nhánh Than Núi Hồng- Đại Từ- Thái Nguyên
01/2008- 3/2011	Trưởng phòng đầu tư xây dựng- Chi nhánh Than Núi Hồng- Đại Từ- Thái Nguyên
4/2011 đến nay	Phó giám đốc – Công ty cổ phần xi măng Quán Triều – VVMI. Đ/c: Xã An Khánh huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên.

13. Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không

14. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

15. Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không

16. Thủ lao và các khoản lợi ích khác: Không

17. Lợi ích liên quan đối với công ty (nếu có): Không có

18. Số cổ phần nắm giữ của bản thân: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần của Công ty

19. Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần

20. Những người có liên quan:

Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ trong công ty	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Văn Trọng Canh	Bố đẻ	0	0
Ngọc Bích Nghim	Mẹ đẻ	0	0
Lục Lệ Minh	Vợ	0	0
Văn Thiên Tường	Con	0	0
Văn Khánh Linh	Con	0	0

c) Ông Nguyễn Sóng Gió – Phó Giám đốc

1. Họ và tên: Nguyễn Sóng Gió Giới tính: Nam

2. Ngày tháng năm sinh: 07/01/1968

3. Chức vụ: Phó Giám đốc

4. Số CMND: 090679740 do Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 31/5/2007

5. Quê quán: xã Sơn Cẩm- Phú Lương

6. Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam.

7. Địa chỉ thường trú: Xã Sơn Cẩm- Phú Lương.

8. Chỗ ở hiện tại: Xã Sơn Cẩm- Phú Lương.

9. Số điện thoại liên lạc: 0915 267 227

10. Trình độ văn hoá: 12/12

11. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chế tạo máy

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác, nơi công tác
01/1993- 6/1993	Tổ viên tổ sửa chữa nồi hơi và thiết bị áp lực Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ- Thái Nguyên
6/1993-2/1995	Kỹ thuật viên PX Cơ điện Nhà máy Giấy Hoàng Văn Thụ- TN
2/1993- 12/1998	Cán bộ kỹ thuật Phòng Cơ điện Nhà máy XM La Hiên
01/1999-11/2002	Phó Quản đốc PX Cơ điện Nhà máy XM La Hiên
12/2002- 11/2007	Quản đốc PX Cơ điện Nhà máy XM La Hiên
12/2007 đến nay	Phó giám đốc Công ty CPXM Quán Triều

13. Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không

14. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

15. Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không

16. Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không

17. Lợi ích liên quan đối với công ty (nếu có): Không có

18. Số cổ phần nắm giữ của bản thân: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần của Công ty

19. Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần

20. Những người có liên quan:

Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ trong công ty	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Nguyễn Kim Nhung	Bố đẻ	0	0
Hoàng Thị Lăng	Mẹ đẻ	0	0
Trần Thị Ái Loan	Vợ	0	0
Nguyễn Minh Phương	Con	0	0
Nguyễn Minh Anh	Con	0	0
Nguyễn Văn Phúc	Anh trai	0	0
Nguyễn Bích Hạnh	Chị gái	0	0

Nguyễn Hồng Thái	E trai	0	0
------------------	--------	---	---

d) Ông Đỗ Ngọc Huy - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Xem trong mục thông tin có liên quan đến thành viên HĐQT

e) Ông Nguyễn Mạnh Thắng – Kế toán trưởng

1. Họ và tên: Nguyễn Mạnh Thắng Giới tính: Nam
2. Ngày tháng năm sinh: 10/1963
3. Chức vụ: Kế toán trưởng
4. Số CMND: 090 747 216 do Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 17/9/2012
5. Quê quán: Xã Lam Cốt- Huyện Tân Yên- Tỉnh Bắc Giang
6. Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam.
7. Địa chỉ thường trú: Phố Quán Vương 4- Xã Trung Hội -Huyện Định Hóa – Thái Nguyên
8. Chỗ ở hiện tại: Phố Quán Vương 4- Xã Trung Hội -Huyện Định Hóa – Thái Nguyên
9. Số điện thoại liên lạc: 0983386563
10. Trình độ văn hoá: 12/12
11. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác, nơi công tác
3-1983-5/1986	Trung sỹ tiểu đội trưởng
6/1986- 9/1986	D30 Lữ 575, QKI
10/1986-3/1987	Công nhân xí nghiệp chè Định Hóa
04/1987- 11/1989	Học viên trường kinh tế Bắc Thái
01/1990- 06/1994	Kế toán trưởng XN chè Định Hóa
07/1994- 04/2002	Trưởng xưởng chè Quán Vương- Cty chè Kim Anh
08/2002-4/2003	Trưởng phòng kế toán kế hoạch Nhà máy chè Định Hóa
05/2003-04/2004	Phó trưởng phòng KD Công ty CP chè Kim Anh
05/2004- 04/2005	Phó Giám đốc nhà máy chè Định Hóa
05/2005-06/2014	Giám đốc nhà máy chè Định Hóa
07/2014 đến nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều - VVMI

13. Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không

14. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

15. Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không

16. Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không

17. Lợi ích liên quan đối với công ty (nếu có): Không có

18. Số cổ phần nắm giữ của bản thân: 3.500 cổ phần chiếm tỷ lệ 0.01 % tổng số cổ phần của Công ty

19. Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần

20. Những người có liên quan:

Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ trong công ty	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Nguyễn Văn Tước	Bố đẻ	0	0
Nguyễn Thị Vót	Mẹ đẻ	0	0
Ma Thị Tuyết	Vợ	0	0
Nguyễn Thị Hồng Thắm	Con	0	0
Nguyễn Mạnh Tân	Con	0	0
Nguyễn Thị Vân	Chị Gái	0	0
Nguyễn Văn Tuyển	Em trai	0	0
Nguyễn Văn Tuệ	Em trai	0	0
Nguyễn Thị Vinh	Em gái	0	0
Nguyễn Thị Vịnh	Em gái	0	0
Nguyễn Minh Tuấn	Em trai	0	0
Nguyễn Thị Việt	Em Gái	0	0

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Để đạt được mục tiêu sản xuất kinh doanh đề ra Hội đồng quản trị đã nhanh chóng triển khai các biện pháp tăng cường quản trị Công ty. Cụ thể là:

- Ban hành quy chế quản trị Công ty phù hợp với các quy định mới của Luật doanh nghiệp năm 2014 và các quy định hiện hành.
- Hoàn thiện định hướng phát triển của Công ty trong giai đoạn 05 năm tới; xác định rõ định hướng ngành nghề để xây dựng chiến lược đầu tư, chiến lược kinh doanh dịch vụ đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Công ty; xác định giá trị cốt lõi của Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI
- Tiếp tục hoàn thiện các quy chế quản lý nhằm tăng cường hiệu lực hoạt động của bộ máy,

nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị.

- Chỉ đạo và tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát đảm bảo cho các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; các quy định của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ được thực thi trong toàn công ty.
- Triển khai mạnh mẽ các giải pháp tái cấu trúc quản trị doanh nghiệp; hoàn thiện và áp dụng các quy trình, phương thức quản trị doanh nghiệp thật sự khoa học, tinh gọn đảm bảo hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý.
- Tiếp tục hoàn thiện các chính sách đối với người lao động nhằm thu hút nhân tài và tạo sự gắn bó của người lao động đối với Công ty.
- Tiếp tục chỉ đạo ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin phục vụ quản lý.

V. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN PKF VIỆT NAM



Địa chỉ: Tầng 10, Center Building , Dự án Hapulico Complex. Số 01 Nguyễn Huy Tưởng , P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội.

Accountants &
business advisers

Điện thoại: 04 6664 4488

Fax: 04 6664 2233

Website: <http://pkf.afcvietnam.vn>

VI. PHỤ LỤC

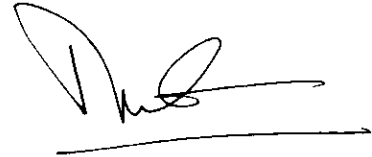
1. **Phụ lục 01:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
2. **Phụ lục 02:** BCTC kiểm toán 2015.

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 10 năm 2016

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ **TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**



NGÔ NGỌC SƠN



TẠ VĂN LONG



GIÁM ĐỐC



NGUYỄN MẠNH DANH

KÊ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN MẠNH THẮNG

